

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm, thay mới lớp xe máy năm 2026.
- Tên dự toán: Mua sắm, thay mới lớp xe máy năm 2026.
- Địa điểm: Cung cấp lớp mới và thực hiện công tác thay lớp tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 300 ngày (10 tháng).

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Chung loại, số lượng, thời gian cung cấp:

Stt	Loại lớp	Đvt	Tháng thực hiện/ Số lượng												Tổng cộng (bộ)
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	7.50-16	bộ						07	07	21	14	14			63
2	8.25-16	bộ				14	20	07		42	14	21	07	14	139
3	10.00-20	bộ			11			07						07	25
4	11.00-20	bộ				35	38	39	32	14	07	34	07		206
5	265/65R17	cái										05			05
6	17.5 - 25	Bộ				12		04	04	04					24

b) Phạm vi cung cấp

STT	Cỡ lớp	Số lớp bố	Kiểu gai	Đvt	Số lượng
1	7.50-16	18	Ngang/ xuôi	Bộ	63
2	8.25-16	18	Ngang/ xuôi	Bộ	139
3	10.00-20	18	Ngang/ xuôi	Bộ	25
4	11.00-20	18	Ngang/ xuôi	Bộ	206
5	265/65R17	4	Xuôi	Cái	05
6	17.5 - 25	16	Ngang	Bộ	24

STT	Công tác lắp đặt thay lốp xe	ĐVT	Số lượng
1	Công lắp đặt thay lốp xe 7.50-16	Bộ	63
2	Công lắp đặt thay lốp xe 8.25-16	Bộ	139
3	Công lắp đặt thay lốp xe 10.00-20	Bộ	25
4	Công lắp đặt thay lốp xe 11.00-20	Bộ	206
5	Công lắp đặt thay lốp xe 265/65R17	Cái	05
6	Công lắp đặt thay lốp xe 17.5 - 25	Bộ	24

c) Yêu cầu đối với hàng hóa và công tác thực hiện thay lốp xe:

- Lốp xe được sản xuất trong nước bởi công ty có năng lực, kinh nghiệm về sản xuất lốp xe, được sản xuất từ năm tháng 10/2025 trở về sau, được phép lưu hành tại Việt Nam;

- Đơn vị cung cấp lốp xe có các cơ sở/ nhà xưởng tại Thành phố Hồ Chí Minh (ít nhất 04 cơ sở/ nhà xưởng, phân bố tại các Quận khác nhau) với, thiết bị, nhân lực để thực hiện thay mới lốp cho các xe máy của Công ty.

- Địa điểm cung cấp và thực hiện thay lốp: tại cơ sở/ nhà xưởng của Nhà thầu tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngoại trừ loại lốp cỡ 17.5 – 25 thực hiện cung cấp và thực hiện thay lốp tại cơ sở/ nhà xưởng của Bên A tại Tp.Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu kỹ thuật của lốp xe như sau:

Stt	Thông số	Yêu cầu
I	Lốp xe kích cỡ 7.50-16	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)
3	Số lớp bố	18
4	Độ rộng mâm (inch)	06
5	Tải trọng đơn (kg)	1.950 - 1.960
6	Tải trọng đôi (kg)	1.800 – 1.810
7	Áp suất hơi (kPa)	850 - 860
8	Độ sâu của gai (mm)	17,5 – 19,5
9	Kích thước bơm phồng	
-	Bề rộng hông lốp (mm)	215 - 219
-	Đường kính ngoài (mm)	801 - 805

Stt	Thông số	Yêu cầu
10	Loại bố lốp	Nylon
11	Bộ lốp	Lốp, săm, yếm
II	Lốp xe kích cỡ 8.25-16	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)
3	Số lớp bố	18
4	Độ rộng mâm (inch)	6,5
5	Tải trọng đơn (kg)	1.950 – 1.960
6	Tải trọng đôi (kg)	1.750 – 1.760
7	Áp suất hơi (kPa)	790 - 800
8	Độ sâu của gai (mm)	18,8 – 20,8
9	Kích thước bơm phồng	
-	Bề rộng hông lốp (mm)	235 - 239
-	Đường kính ngoài (mm)	856 - 860
10	Loại bố lốp	Nylon
11	Bộ lốp	Lốp, săm, yếm
III	Lốp xe kích cỡ 10.00-20	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).
3	Số lớp bố	18
4	Độ rộng mâm (inch)	7,5
5	Tải trọng đơn (kg)	3.350 – 3.360
6	Tải trọng đôi (kg)	2.900 – 2.910
7	Áp suất hơi (kPa)	
-	Bánh đơn	910 - 920
-	Bánh đôi	840 - 850
8	Độ sâu của gai (mm)	21,5 – 23,5
9	Kích thước bơm phồng	

Stt	Thông số	Yêu cầu
-	Bề rộng hông lốp (mm)	278 - 282
-	Đường kính ngoài (mm)	1.066 - 1070
10	Loại bố lốp	Nylon
11	Bộ lốp	Lốp, săm, yếm
IV	Lốp xe kích cỡ 11.00-20	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)
3	Số lớp bố	18
4	Độ rộng mâm (inch)	08
5	Tải trọng đơn (kg)	3.650 - 3.660
6	Tải trọng đôi (kg)	3.150 - 3.160
7	Áp suất hơi (kPa)	
-	Bánh đơn	910 - 915
-	Bánh đôi	840 - 845
8	Độ sâu của gai (mm)	23 - 25
9	Kích thước bơm phồng:	
-	Bề rộng hông lốp (mm)	300 - 303
-	Đường kính ngoài (mm)	1.105 - 1.109
10	Loại bố lốp	Nylon
11	Bộ lốp	Lốp, săm, yếm
V	Lốp xe kích cỡ 265/65R17	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)
3	Số lớp bố	04
4	Độ rộng mâm (inch)	08
5	Tải trọng đơn (kg)	1.120 – 1.130
6	Áp suất hơi (kPa)	300 - 305
7	Loại bố lốp	Radial

Stt	Thông số	Yêu cầu
VI	Lớp xe kích cỡ 17.5 - 25	
1	Năm sản xuất	Tháng 10/2025 trở về sau
2	Chất lượng	Mới 100%, có giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện ô tô hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)
3	Số lớp bố	16
4	Độ rộng mâm (inch)	14
5	Tải trọng đơn (kg)	4.250 - 4.260
6	Áp suất hơi (kPa)	300 – 305
7	Độ sâu của gai (mm)	29 - 31
8	Kích thước bơm phòng:	
-	Bề rộng hông lốp (mm)	445 - 448
-	Đường kính ngoài (mm)	1.348 – 1.355
9	Loại bố lốp	Nylon
10	Bộ lốp	Lốp, ron/ vòng đệm

***Ghi chú:**

- Hàng hóa chào thầu phải đảm bảo và nêu rõ ký mã hiệu (nhãn mác sản phẩm), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ.
- Nhãn hiệu, mã hiệu hoặc xuất xứ hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) **chỉ mang tính tham khảo và minh họa** cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa của hãng khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu có nhãn hiệu khác so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” với các hàng hóa yêu cầu và phải đảm bảo tính tương thích.
- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

Trong thời gian bảo hành, nếu có sự cố nhà thầu phải có mặt trong vòng 4 giờ kể từ khi được đơn vị sử dụng thông báo sự cố để xác định nguyên nhân. Nếu trong thời gian này mà nhà thầu không có mặt hoặc từ chối đến kiểm tra đánh giá sự cố thì đơn vị sử dụng sẽ được quyền thuê đơn vị khác tới xử lý và lúc này toàn bộ kinh phí sẽ do nhà thầu chi trả bất kể do nguyên nhân chủ quan hay khách quan của người sử dụng. Trong vòng tối đa 24 giờ kể từ thời điểm nhà thầu nhận được thông báo yêu cầu bảo hành phải khắc phục phải khắc phục trong 24 giờ thì nhà thầu phải có phương án cung ứng thiết bị tạm thời để đáp ứng quá trình vận hành thông suốt trong giai đoạn chờ sửa chữa.

Mục 2. Kiểm tra và thử nghiệm

- Sau khi mọi công tác lắp đặt đã hoàn tất và trước khi được chấp nhận lần cuối, Nhà

thầu phải thực hiện các thử nghiệm tại hiện trường theo đúng yêu cầu quy định trong các yêu cầu kỹ thuật cho từng hạng mục hàng hóa.

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ nghiệm thu và thực địa, nếu thấy hàng hóa lắp đặt đúng thiết kế và phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật quy định trong tài liệu hướng dẫn lắp đặt và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành thì lập và ký biên bản nghiệm thu.
- Nếu Chủ đầu tư nghiệm thu phát hiện thấy một số khiếm khuyết thì yêu cầu Nhà thầu tiến hành sửa chữa, hoàn chỉnh và hẹn ngày nghiệm thu lại. Nhà thầu phải nghiêm chỉnh thực hiện công việc khắc phục các khiếm khuyết trên đúng thời hạn.
- Mọi sự cố xảy ra khi sử dụng hoặc do công tác lắp đặt không chính xác, do cầu thả hoặc do những sai phạm khác trong quá trình lắp đặt, Nhà thầu phải tự sửa chữa theo quy định trong “Các yêu cầu kỹ thuật”, đến khi được chủ đầu tư xác nhận là đã đạt yêu cầu.
- Trong trường hợp có những hư hỏng xảy ra, không đảm bảo việc sử dụng theo quy định, Chủ đầu tư có quyền không chấp nhận hàng hóa đó, được giữ lại tiền thanh toán với giá trị tương ứng theo hợp đồng, đến khi hoàn thành khắc phục đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.

* **Ghi chú:** Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là 8% theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt. Khi thực hiện và thanh, quyết toán khối lượng của gói thầu thì thuế giá trị gia tăng điều chỉnh theo quy định hiện hành của pháp luật.